

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

QUY CHẾ QUẢN LÝ NỢ

(Ban hành theo Quyết định số 13/QĐ-HĐTV-CTY ngày 23/12/2014
của Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên
Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè)

Tháng 12 năm 2014

Số: 17/QĐ-HĐTV-CTY

Nhà Bè, ngày 23 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế quản lý nợ

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 05 tháng 08 năm 2010 về hướng dẫn cơ chế tài chính của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty dịch vụ công ích Nhà Bè thành Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên số 34/BB-CTY ngày 23 tháng 12 năm 2014 về việc thông qua Quy chế quản lý nợ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành “Quy chế quản lý nợ” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 04/QĐ-HĐTV-CTY ngày 24/4/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên về việc ban hành Quy chế quản lý nợ. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản trước đây trái với quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Ban Giám đốc, các ông (bà) Trưởng phòng, ban, đội, toàn thể cán bộ, công nhân viên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hội đồng thành viên thay b/c”;
- Kiểm soát viên;
- Lưu: VT.



Phan Thanh Sơn

QUI CHẾ QUẢN LÝ NỢ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /QĐ-HĐTV-CTY
ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng thành viên)

CHƯƠNG I NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Trong Qui chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Nợ tồn đọng" là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán, doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được và các khoản nợ phải trả đã quá thời hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp chưa có khả năng trả nợ.
2. "Nợ phải thu khó đòi" là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán trên 06 tháng (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ), doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đơn đốc thanh toán nhưng doanh nghiệp vẫn chưa thu hồi được; hoặc là các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ là tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.
3. "Nợ không có khả năng thu hồi" là các khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán hoặc chưa đến thời hạn thanh toán thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.
 - b) Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả, không có người kế thừa nghĩa vụ trả nợ.
 - c) Khách nợ là cá nhân đã chết, mất tích, cá nhân còn sống nhưng không còn khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự, hoặc người thừa kế theo luật nhưng không có khả năng chi trả.
 - d) Khách nợ đã được cơ quan có thẩm quyền Quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.
 - đ) Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất.
 - e) Các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên, tuy khách nợ còn tồn tại, đang hoạt động nhưng kinh doanh thua lỗ liên tục từ 03 năm trở

lên và quá khó khăn, hoàn toàn không có khả năng thanh toán, doanh nghiệp đã tích cực áp dụng các biện pháp nhưng vẫn không thu được nợ.

4. “Nợ không có khả năng thanh toán” là các khoản nợ đến hạn và quá hạn mà doanh nghiệp không có khả năng trả cho chủ nợ theo đúng hợp đồng đã cam kết.

Điều 2: Mục đích yêu cầu – đối tượng áp dụng:

- Nhằm qui định rõ trách nhiệm của từng cấp trong việc quản lý, theo dõi, đối chiếu và thu hồi nợ; định mức về hạn mức nợ; thời gian nợ, phương thức quản lý theo dõi, đối chiếu xác nhận công nợ, công tác thu hồi công nợ đồng thời báo cáo Hội đồng thành viên để kiểm soát quá trình tổ chức.

- Đề ra mục tiêu thu hồi nợ; chế độ khen thưởng đối với các nhân viên thu hồi nợ; công tác chỉ đạo và thu hồi nợ.

- Nhằm kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo từng đối tượng như chủ đầu tư của các công trình xây dựng và hoạt động công ích; các công ty, các nhà cung cấp vật tư; các khoản tạm ứng nội bộ đối với đội thi công và cán bộ, công nhân viên. Qui định rõ trách nhiệm của từng cấp, tập thể và cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.

- Thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đơn đốc thu hồi nợ. Tổ chức đối chiếu xác nhận công nợ phải thu theo đúng qui chế quản lý nợ của công ty và qui định hiện hành của pháp luật.

- Nhằm tạo ra khuôn mẫu về công tác thu hồi nợ cho các nhân viên, giúp các nhân viên thu hồi nợ làm tốt nhiệm vụ của mình.

CHƯƠNG II

NỢ PHẢI THU

Điều 3: Dự phòng nợ phải thu:

3.1 Điều kiện:

Là các khoản nợ phải thu như: Nợ tồn đọng, Nợ phải thu khó đòi, Nợ không có khả năng thu hồi, Nợ không có khả năng thanh toán được định nghĩa như điều 1, phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo qui định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các Công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

3.2 Phương pháp lập dự phòng:

Công ty phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng trở lên còn có khả năng thu hồi, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu, Công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.3 Xử lý khoản dự phòng:

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định, Công ty phải trích lập dự phòng theo các qui định tại điểm 2 điều này; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu thì Công ty không phải trích lập.

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu thì Công ty phải trích thêm vào chi phí quản lý Công ty phần chênh lệch.

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì Công ty phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý Công ty.

3.4 Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi:

3.4.1 Nợ phải thu không có khả năng thu hồi bao gồm các khoản nợ sau:

- Đối với tổ chức kinh tế:

+ Khách nợ đã giải thể, phá sản: Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật Phá sản hoặc quyết định của người có thẩm quyền về giải thể đối với doanh nghiệp nợ, trường hợp tự giải thể thì có thông báo của đơn vị hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập đơn vị, tổ chức.

+ Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả: xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán.

- Đối với cá nhân phải có một trong các tài liệu sau:

+ Giấy chứng tử (bản sao) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết nhưng không có tài sản hoặc tài sản thừa kế để trả nợ.

+ Giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ còn sống hoặc đã mất tích nhưng không có khả năng trả nợ.

+ Lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với người nợ đã bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về việc khách nợ hoặc người thừa kế không có khả năng chi trả.

3.4.2 Xử lý tài chính:

- Tổng thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đơn vị nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác...).

- Giá trị tổn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, Công ty sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phân chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

- Doanh nghiệp được quyền bán các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn trên nguyên tắc trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định. Doanh nghiệp chỉ được bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ.

- Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, Công ty vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và được phản ánh ở ngoài bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 10 năm, tối đa là 15 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, Công ty hạch toán vào thu nhập khác.

- Đối với các khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ, thực hiện quy đổi sang đồng Việt Nam tại thời điểm hạch toán và lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư nợ ngoại tệ phải thu, phải trả cuối năm tài chính được xử lý theo quy định, của Bộ Tài chính.

3.4.3 Khi xử lý khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi Công ty phải lập hồ sơ sau:

- Biên bản của Hội đồng xử lý nợ của Công ty, trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi đã trừ đi các khoản thu hồi được).

- Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán, biên bản đối chiếu nợ được chủ nợ và khách nợ xác nhận hoặc bản thanh lý hợp đồng kinh tế hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp, tổ chức hoặc các tài liệu khách quan khác chứng minh được số nợ tồn đọng và các giấy tờ tài liệu liên quan.

- Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được đến thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Điều 4: Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp:

4.1 Đối tượng và điều kiện lập dự phòng:

Là những sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp do Công ty thực hiện và đã bán hoặc bàn giao trong năm được doanh nghiệp cam kết bảo hành tại hợp đồng hoặc các văn bản qui định khác.

4.2 Phương pháp lập dự phòng: Công ty trích lập dự phòng bảo hành của các sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp theo qui định đã cam kết với khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 5% tổng doanh thu tiêu thụ đối với các sản phẩm, hàng hóa và không quá 5% trên tổng giá trị công trình đối với các công trình xây lắp.

4.3 Xử lý khoản dự phòng:

- Chủ đầu tư hoặc khách hàng giữ lại 5% bảo hành trên tổng giá trị quyết toán công trình, khi công trình có biên bản hoàn thành bảo hành thì Công ty tiến hành làm thủ tục rút vốn hoặc giấy đề nghị thanh toán.

- Công ty giữ lại 5% bảo hành trên tổng giá trị quyết toán công trình. Khi Công ty nhận được tiền từ chủ đầu tư thì Công ty tiến hành thanh toán đối với đội thi công.

- Trong thời gian bảo hành, nếu công trình có phát sinh chi phí sửa chữa bảo hành theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc khách hàng thì Giám đốc phải ra quyết định cho đội thi công có trách nhiệm thực hiện, chi phí phát sinh được tính trong 5% giá trị bảo hành của Công ty giữ lại của đội thi công. Trong trường hợp đội thi công có trách nhiệm thực hiện bảo hành nhưng chây ỳ, không thực hiện việc bảo hành công trình cho chủ đầu tư như đã cam kết thì Giám đốc phải ra quyết định cho đội thi công khác thực hiện, chi phí thi công được tính trong 5% giá trị bảo hành, trong trường hợp chi phí thi công vượt quá 5% giá trị bảo hành thì phần chênh lệch này sẽ được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty. Tuy nhiên, vẫn tiếp tục theo dõi và có các biện pháp để tiến hành thu hồi phần chi phí chênh lệch đối với đội thi công chây ỳ, nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, Công ty hạch toán vào thu nhập khác.

Điều 5: Xử lý các khoản nợ phải thu của Công ty liên quan đến ngân sách nhà nước

5.1 Các khoản được ngân sách hỗ trợ hoặc cấp bù theo quy định đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa được cấp thì ngân sách cấp nào nợ, ngân sách cấp đó phải có trách nhiệm bố trí để cấp đủ cho Công ty.

5.2 Các khoản Công ty đã nộp thừa vào ngân sách cấp nào thì ngân sách cấp đó phải hoàn trả cho Công ty (nếu Công ty có yêu cầu hoàn trả) hoặc trừ vào khoản nộp kỳ sau theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5.3 Các khoản nợ của Công ty do chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ vốn để thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản thuộc các công trình, dự án được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách; thanh toán tiền nhượng bán tài sản, trụ sở làm việc cho các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương nằm trong kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt thì các Bộ, ngành, địa phương, cấp quyết định đầu tư có trách nhiệm bố trí dự toán ngân sách để thanh toán đủ kịp thời cho Công ty theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; không yêu cầu Công ty ứng vốn thực hiện dự án khi ngân sách chưa bố trí vốn cho dự án, dẫn đến phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

5.4 Các khoản ngân sách địa phương nhận trả nợ thay khi điều động tài sản của Công ty cho đơn vị sự nghiệp hoặc cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương thì địa phương phải dùng ngân sách để trả nợ Công ty.

5.5 Các khoản tiền của Công ty bị các cơ quan nhà nước tạm giữ trong quá trình kiểm tra, thanh tra, điều tra vụ án, sau khi có kết luận Công ty không có sai phạm hoặc không phải khắc phục hậu quả thì các cơ quan quyết định tạm giữ phải hoàn trả ngay cho Công ty trong vòng 05 ngày làm việc.

Điều 6: Thẩm quyền xử lý nợ:

6.1 Phòng Tài chính – Kế toán:

Đối với các khoản nợ khó đòi, Phòng Tài chính – Kế toán xác định rõ số tiền không có khả năng thu hồi, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và kiến nghị biện pháp xử lý trình Giám đốc xem xét, giải quyết theo phân cấp tại Quy chế này.

6.2 Giám đốc Công ty:

- Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi, Giám đốc có trách nhiệm xử lý. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập

thể có liên quan, số còn lại được bù đắp bằng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu thì được Giám đốc trình Hội đồng thành viên quyết định xử lý đưa vào chi phí kinh doanh của công ty.

- Giám đốc quyết định xử lý các khoản nợ khó đòi có giá trị **dưới 10 triệu đồng** và tự chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về quyết định của mình. Trong thời hạn 15 ngày sau khi xử lý phải báo cáo Hội đồng thành viên bằng văn bản.

- Giám đốc quyết định xử lý các khoản công nợ khó đòi và báo cáo Hội đồng thành viên kết quả xử lý đối với khoản công nợ có giá trị **từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng**.

- Các khoản công nợ khó đòi có giá trị **từ 50 triệu đồng đến dưới 50% vốn chủ sở hữu** được ghi trong báo cáo gần nhất của Công ty đã được kiểm toán, Giám đốc phải thành lập Hội đồng xử lý công nợ của Công ty để xem xét hồ sơ công nợ (tờ trình, biên bản họp Hội đồng xử lý ...) của Công ty xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp xử lý trình Hội đồng thành viên quyết định.

- Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về các khoản nợ phải thu của Công ty. Khi ký hợp đồng phải tính toán khả năng thanh toán, thời hạn thanh toán và hiệu quả kinh tế của từng hợp đồng.

6.3 Chủ tịch Hội đồng thành viên:

Đối với nợ khó đòi không thu hồi được có giá trị **trên 50% vốn chủ sở hữu** được ghi trong báo cáo gần nhất của Công ty đã được kiểm toán thì Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ quyết định phương án xử lý trên cơ sở tờ trình của Hội đồng thành viên.

6.4 Hội đồng thành viên :

- Hội đồng thành viên căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý công nợ, các bằng chứng liên quan đến các khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi được và chịu trách nhiệm của mình trước pháp luật, đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý trách nhiệm theo chế độ hiện hành.

- Các tổn thất do không thu hồi nợ kịp thời, đầy đủ, do nguyên nhân chủ quan gây ra, cá nhân, tập thể liên quan vi phạm phải bồi thường. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định.

CHƯƠNG III

NỢ PHẢI TRẢ

Điều 7: Các khoản phải trả:

7.1 Các khoản vay nợ: Khi cần thiết phải vay nợ để phục vụ hoạt động kinh doanh, Giám đốc công ty đề xuất HĐQT công ty quyết định việc vay tiền cho từng khoản vay cụ thể; Việc vay tiền phải có phương án hay kế hoạch cụ thể và việc vay tiền phải đảm bảo hiệu quả sử dụng tiền vay tốt nhất từ số tiền vay, kỳ hạn, lãi suất đảm bảo tốt nhất.

Trường hợp huy động vốn không có hiệu quả hoặc thực hiện việc huy động vốn không đúng quy định, sử dụng vốn không đúng mục đích dẫn đến tổn thất tài sản, gây thiệt hại cho Công ty thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên, Giám đốc sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất tương ứng với thiệt hại, tổn thất đã gây ra cho Công ty, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo mức độ vi phạm.

7.2 Phải trả người bán: là khoản phải trả phát sinh do việc Công ty ký kết các hợp đồng mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, xây dựng cơ bản .v.v. chưa trả cho người bán.

7.3 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Việc xử lý các khoản nợ thuế và các khoản nộp Ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

7.4 Các khoản phải nộp về bảo hiểm, kinh phí công đoàn: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm, pháp luật về công đoàn.

7.5 Khoản phải trả về tiền lương, tiền công: Thực hiện đúng Quy chế phân phối Quỹ lương của Công ty và các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết.

7.6 Khoản phải trả về khen thưởng, phúc lợi: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi. Việc điều hành do Giám đốc công ty quyết định đúng chủ trương của HĐQT công ty sau khi tham khảo ý kiến của Ban chấp hành công đoàn. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp cho các chức danh Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan đến khoản nợ sau khi thanh

toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ).

7.7 Các khoản phải trả phục vụ cho việc mua sắm vật tư, trang thiết bị, .v.v. phục vụ cho việc quản lý hằng ngày: Đảm bảo trả ngay khi khách hàng đến thanh toán.

Điều 8: Trách nhiệm của Công ty đối với khoản nợ phải trả:

- Tổng hợp báo cáo tình hình công nợ phải trả định kỳ;
- Mở sổ theo dõi các khoản nợ phải trả từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại nợ phải trả như: nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán; Phân loại theo tính chất nợ như: nợ dài hạn, nợ ngắn hạn; Phân tích chi tiết từng khoản nợ phải trả quá hạn.

- Công ty phải đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần theo quy định của Chính phủ về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Khi có nhu cầu huy động vốn vượt quy định để đầu tư các dự án quan trọng, doanh nghiệp phải xây dựng phương án cụ thể, xác định rõ kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền trả nợ, báo cáo chủ sở hữu xem xét, quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả. Công ty chịu trách nhiệm về hiệu quả dự án và đảm bảo khả năng trả nợ, Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ; Thanh toán các khoản nợ phải trả, đúng thời hạn đã cam kết; Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, không để phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn. Các khoản nợ phải trả mà không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

- Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty phải quản lý và điều hành Công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ; có trách nhiệm phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn; nếu không xử lý kịp thời để phát sinh tình trạng nợ phải trả quá hạn không thanh toán trên 06 tháng, căn cứ vào hậu quả của việc không xử lý kịp thời, chủ sở hữu quyết định hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên,

Giám đốc; nếu không xử lý kịp thời dẫn đến mất khả năng thanh toán nợ thì phải chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật.

Điều 9: Qui định về việc xử lý các khoản nợ vay các tổ chức tín dụng, các khoản nợ phải trả có bảo lãnh, các khoản nợ phải trả của tổ chức, cá nhân còn tồn đọng:

9.1 Các khoản nợ Công ty vay của các tổ chức tín dụng:

Khi có khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn vay của các tổ chức tín dụng do kinh doanh thua lỗ thì xử lý nợ theo quy định pháp luật hiện hành về xử lý nợ tồn đọng; chủ động phối hợp với ngân hàng chủ nợ và các tổ chức có chức năng mua bán nợ để xử lý phần nợ quá hạn theo các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

9.2 Xử lý nợ phải trả có bảo lãnh:

Tổ chức, cá nhân bảo lãnh cho Công ty vay vốn, mua trả chậm vật tư hàng hóa đã quá hạn thanh toán mà Công ty được bảo lãnh chưa trả được nợ thì tổ chức và cá nhân bảo lãnh phải trả nợ thay. Công ty được trả nợ thay có trách nhiệm nhận nợ và trả nợ với tổ chức, cá nhân đã bảo lãnh cho mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

9.3 Xử lý các khoản nợ phải trả của các tổ chức, cá nhân:

- Công ty có quyết định chuyển đổi, trước khi thực hiện chuyển đổi phải thanh toán dứt điểm khoản nợ đến hạn, quá hạn đối với chủ nợ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài Công ty. Trường hợp Công ty có khó khăn chưa trả được nợ phải có văn bản cam kết trả nợ và được chủ nợ chấp thuận hoặc Công ty có nhu cầu huy động thêm vốn, cơ cấu lại nợ và được chủ nợ chấp thuận thì được chuyển thành cổ phần trong Công ty chuyển đổi nhưng phải đảm bảo các quy định của pháp luật về số cổ đông tối thiểu và quyền được mua cổ phần lần đầu trong các doanh nghiệp cổ phần hóa.

- Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động, đã thực hiện chuyển đổi, việc thanh toán các khoản nợ phải trả thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Điều 10: Các qui trình quản lý và thu hồi công nợ:

10.1 Quy trình quản lý công nợ phải thu khó đòi:

- Các Phòng, Ban, Đội báo cáo phát sinh nợ khó đòi theo quy định .
- Báo cáo tình hình thực hiện thu nợ khó đòi.
- Chuyển nợ khó đòi lên Phòng Tài chính – Kế toán để thu hồi công nợ.
- Chuyển hồ sơ, lý lịch, đặc điểm công nợ cho Phòng Tài chính – Kế toán.
- Phòng Tài chính – Kế toán tổng hợp theo bảng biểu quy định báo cáo lãnh đạo

Công ty.

- Xin ý kiến chỉ đạo.
- Lưu hồ sơ theo quy định.

10.2 Quy trình xử lý, thu hồi nợ khó đòi:

- Nghiên cứu hồ sơ công nợ, trao đổi với khách hàng tính chất và giá trị pháp lý của công nợ, phác thảo sơ bộ các bước giải quyết, hoàn thiện các tài liệu còn thiếu để củng cố giá trị pháp lý của hồ sơ công nợ;

- Tìm hiểu về khách nợ: bao gồm các thông tin liên quan đến các chức danh quản lý, khả năng tài chính, quan điểm của khách nợ đối với công nợ, các hoạt động kinh tế của khách nợ, các mối quan hệ, các đối tác của khách nợ.

- Đàm phán, làm việc trực tiếp với lãnh đạo hoặc người có trách nhiệm của khách nợ để đàm phán giải quyết công nợ, lập lộ trình thanh toán nợ, căn cứ lộ trình để thúc khách nợ trả nợ đúng lộ trình.

- Nếu khách nợ cố tình chây ỳ kéo dài không trả nợ thì khởi kiện ra toà án hoặc phối hợp với cơ quan chức năng khác để giải quyết. Tuy nhiên, trong giai đoạn này vẫn có thể kết hợp việc đàm phán để giải quyết thu nợ.

- Thi hành bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án yêu cầu cơ quan thi hành án cho thi hành bản án hoặc quyết định của Toà án.

- Lưu giữ hồ sơ tại Phòng Tài chính – Kế toán.

10.3 Quy trình thực hiện công việc đề nghị Tòa án giải quyết:

- Chọn những hồ sơ công nợ chây ỳ còn rất ít khả năng thanh toán đề xuất lãnh đạo Công ty chuyển ra toà án giải quyết.

- Khi Ban lãnh đạo Công ty nhất trí thì chuyển đơn đề nghị của Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) và hồ sơ công nợ ra toà án.

- Trực tiếp giải quyết khi Toà án triệu tập hai bên thương lượng hoặc xử tại toà.

- Đề nghị cơ quan thi hành án thực thi theo quyết định của toà án.

- Lưu giữ hồ sơ tại Phòng Tài chính – Kế toán.

10.4 Quy trình báo cáo xử lý công nợ khó đòi định kỳ và đột xuất:

- Hàng tháng, Phòng Tài chính – Kế toán báo cáo lãnh đạo tình hình xử lý công nợ khó đòi trong tháng và kế hoạch thu nợ tháng tới.

- Đề xuất ban lãnh đạo Công ty xin ý kiến chỉ đạo xử lý việc thu hồi tài sản, hàng hoá đối với những khoản nợ còn rất ít khả năng thanh toán, tránh thiệt hại cho Công ty. Xin ý kiến chỉ đạo đối với những vấn đề phát sinh trong quá trình thu hồi công nợ.

- Đề xuất với Ban lãnh đạo Công ty trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu và xóa nợ cho những đối tượng nợ đã chết hoặc không còn khả năng thanh toán. Tuy nhiên, vẫn tiếp tục theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán, tổ chức thu hồi những khoản nợ này và số tiền thu được hoạch toán vào thu nhập của Công ty.

- Đề xuất với Ban lãnh đạo Công ty duyệt phương án đề nghị các cơ quan pháp luật hỗ trợ thu nợ.

- Báo cáo kết quả thực hiện.

- Lưu giữ hồ sơ tại Phòng Tài chính – Kế toán.

10.5 Công ty phải thực hiện báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá về tình hình các khoản nợ năm trước liền kề của Công ty và gửi các cơ quan Tài chính để tổng hợp báo cáo chủ sở hữu định kỳ trước ngày 10 tháng 3 hàng năm.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11: Quy chế này bao gồm 05 chương, 11 điều, có hiệu lực thi hành trong hoạt động của Công ty kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty ký quyết định ban hành.

- Trong quá trình thực hiện quy chế này, nếu có phát sinh cần sửa đổi bổ sung thì Hội đồng thành viên Công ty sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung để làm cơ sở thực hiện./.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY